TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/DS-PT Ngày 12 - 3 - 2018 V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hường;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Trần Thị M (chết ngày 19/02/2012);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Nông Thị P; cư trú tại: Số 04, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

2. Bà Nông Hải Y; cư trú tại: Số 17/1, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

3. Bà Nông Huyền O; cư trú tại: Số 130, khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

4. Bà Nông Bích L; cư trú tại: Số 40, ngõ 7, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

5. Bà Trần Thanh H, chị Nông Minh C1, chị Nông Minh C2; cùng cư trú tại: Số 4, khu III, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

6. Bà Võ Thị Thu H, anh Nông Thế S, anh Nông Thế H, chị Nông Thị Phương M, chị Nông Thị Phương T; cùng cư trú tại: Khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nông Thị P, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O, bà Nông Hải Y, bà Trần Thanh H, bà Võ Thị Thu H: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nông Thế C (chết ngày 20/10/2010).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Bà Đàm Thị D; cư trú tại: Khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

2. Anh Nông Thế T1; cư trú tại: Số nhà 134, khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

3. Anh Nông Thế T2; cư trú tại: Khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

4. Chị Nông Thị Thúy N; cư trú tại: Khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

5. Chị Nông Thị N; cư trú tại: Khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

6. Chị Nông Thị Trung T; cư trú tại: Số 37, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đàm Thị H; cư trú tại: Số nhà 20, đường 10/10, khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

2. Chị Đàm Bích H; cư trú tại: N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

3. Chị Đinh Thị B; cư trú tại: Khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

4. Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu A; cùng cư trú tại: Khu II, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt;

5. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn: Ông Bế Văn S, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản số 651/UBND-TNMT ngày 08/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T) - Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O và bà Nông Thị P, là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn;

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Trần Thị M và cụ Nông Ích Đ có 07 người con chung, gồm ông Nông Thế C, bà Nông Thị P, ông Nông Thế Đ, bà Nông Bích L, ông Nông Thế M, bà Nông Huyền O và bà Nông Hải Y. Cụ Nông Ích Đ chết năm 1976, không để lại di chúc;

Ông Nông Thế C chết năm 2010, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông Thế C gồm có bà Đàm Thị D, anh Nông Thế T1, anh Nông Thế T2, chị Nông Thị Thuý N, chị Nông Thị N và chị Nông Thị Trung T;

Ông Nông Thế Đ chết năm 2010, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông Thế Đ gồm có bà Võ Thị Thu H, anh Nông Thế S, anh Nông Thế H, chị Nông Thị Phương M và chị Nông Thị Phương T;

Ông Nông Thế M chết năm 1990, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông Thế M gồm có bà Trần Thanh H, chị Nông Minh C1 và chị Nông Minh C2.

Ngày 27/6/1999, cụ Trần Thị M tổ chức cuộc họp gia đình để phân chia tài sản cho các con. Thành viên trong gia đình tham gia cuộc họp có cụ Trần Thị M, ông Nông Thế C và ông Nông Thế Đ; người chứng kiến gồm có cụ La Văn Đ, là em họ của cụ Nông Ích Đ; ông Nông Trung H, là cháu họ của cụ Nông Ích Đ và cụ Trần Thị T, là em của cụ Trần Thị M. Biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999 thể hiện nội dung chia tài sản như sau:

Ông Nông Thế C được quyền sử dụng 3.365m^2 đất ao vườn và cây ăn quả xung quanh ao tại S, thuộc khu 2, thị trấn T và căn nhà số 192B, diện tích 40m^2 mà ông Nông Thế C đã xây;

Căn nhà giáp đường Quốc lộ chia làm hai phần, một phần giao cho 02 con của ông Nông Thế M là chị Nông Minh C1 và chị Nông Minh C2; một phần giao cho ông Nông Thế C quản lý làm nhà thờ họ, trong đó công trình mà bà Trần Thanh H đã xây sẽ được thanh toán theo giá thỏa thuận;

Ông Nông Thế Đ được quyền sử dụng khu đất L theo Quyết định số 200-UB/QĐ ngày 30/5/1994 của Ủy ban nhân dân huyện T; phần đất 230m^2 còn lại, ông Nông Thế Đ được chia 115m^2, chiều dài theo mặt đường là 4,5m; bà Nông Thị P và bà Nông Hải Y được chia 115m^2, chiều dài theo mặt đường của phần đất mỗi người được chia là 2,25m;

Bà Nông Huyền O được chia 67m^2 đất (số 183), đã xây dựng nhà;

Bà Nông Bích L được chia 92m^2 đất (số 184), đã xây dựng nhà.

Sau khi phân chia tài sản, cụ Trần Thị M, ông Nông Thế C, bà Trần Thanh H, bà Nông Huyền O và bà Nông Bích L đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng phần đất được chia tại khu II, thị trấn T; ông Nông Thế C đã thanh toán cho bà Trần Thanh H 8.000.000 đồng trị giá công trình xây dựng trên phần đất ông Nông Thế C được chia.

Khoảng năm 2004, 2005, giữa cụ Trần Thị M và ông Nông Thế C xảy ra mâu thuẫn, cụ Trần Thị M cho rằng ông Nông Thế C là con trai trưởng, nhưng không chăm sóc, phụng dưỡng khi cụ Trần Thị M ốm đau; vợ và các con của ông Nông Thế C cũng thiếu trách nhiệm và có thái độ không đúng với cụ. Do đó, tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2006, cụ Trần Thị M yêu cầu Tòa án hủy một phần biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999 về nội dung chia tài sản cho ông Nông Thế C.

Sau khi cụ Trần Thị M chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Thị M gồm bà Nông Hải Y, bà Nông Thị P, bà Võ Thị Thu H yêu cầu hủy nội dung biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999, gộp toàn bộ phần đất đã chia cho bà Nông Huyền O, bà Nông Bích L, bà Trần Thanh H (phần chia cho chị Nông Minh C1 và Nông Minh C2) và ông Nông Thế C để chia đều cho 07 anh chị em; diện tích đất còn lại của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10 thị trấn T mà cụ Trần Thị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi Nhà nước thu hồi cũng yêu cầu chia đều cho 07 người.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Thị M gồm bà Nông Huyền O, bà Nông Bích L và bà Trần Thanh H không nhất trí chia lại toàn bộ đất đai vì cho rằng các bà đã được cụ Trần Thị M cho sử dụng đất từ năm 1983, đến năm 2000 các bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nông Huyền O, bà Nông Bích L và bà Trần Thanh H yêu cầu giữ nguyên phần đất các bà đã được chia và yêu cầu chia thêm cho mỗi người 100m^2 đất ao, thuộc phần đất ông Nông Thế C được chia, phía sau liền kề phần đất các bà đang sử dụng.

Bị đơn là ông Nông Thế C trình bày: Năm 1981 cụ Trần Thị M đã tự chia đất cho bà Nông Bích L và bà Nông Huyền O; năm 1988 cụ Trần Thị M tự chia đất cho ông Nông Thế M; năm 1989 và năm 1991 cụ Trần Thị M tiếp tục chia thêm đất cho bà Nông Bích L và bà Nông Huyền O. Các lần chia đất nói trên đều do cụ Trần Thị M tự quyết định, không có sự bàn bạc, thống nhất trong gia đình.

Khoảng năm 1990, 1991, ông Nông Thế Đ chuyển gia đình từ miền Nam về quê sinh sống. Năm 1994 ông Nông Thế Đ đã bán 559m^2 đất ở S và 920m^2 đất ở L. Ngày 27/6/1999, cụ Trần Thị M đã họp gia đình, phân chia nhà, đất cho các con; biên bản phân chia tài sản có chứng thực của Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện T. Trên cơ sở biên bản phân chia tài sản, năm 2000, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần được chia, ông Nông Thế C đã thanh toán giá trị 1/2 căn nhà cho bà Trần Thanh H với giá thoả thuận là 8.000.000 đồng, trong đó cụ Trần Thị M góp 3.000.000 đồng, sau đó ông Nông Thế C đã xây dựng nhà mới trên phần đất này; ngày 04/6/2003, ông Nông Thế C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10 thị trấn T, diện tích 258,4m^2, đây là phần đất bờ ao, giáp mương thoát nước; ngày 09/7/2002, ông Nông Thế C đã đăng ký quyền sử dụng phần đất ao, là thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 thị trấn T, diện tích 2.647,9m^2, đến thời điểm xảy ra tranh chấp, ông Nông Thế C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Sau khi có Bản án phúc thẩm số 28/2007/DS-PT ngày 16/5/2007, ông Nông Thế C đã đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 thị trấn T, diện tích 2.647,9m^2; ngày 13/10/2008, hộ ông Nông Thế C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên.

Cuối năm 2009 ông Nông Thế C và bà Đàm Thị D đã đăng ký thay đổi mục đích sử dụng một phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 thị trấn T và đã tặng cho anh Nông Thế T1, chị Đinh Thị B 240m^2 đất; chuyển nhượng cho chị Đàm Thị H và anh Đàm Hải T 180m^2 đất, trong đó có 146m^2 thuộc thửa đất số 14; chuyển nhượng cho chị Đàm Bích H 120m^2 đất, trong đó 64m^2 thuộc thửa đất số 14. Những người được tặng cho hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nông Thế C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị M, nhưng đồng ý nhượng lại cho bà Nông Huyền O, bà Nông Bích L và bà Trần Thanh H diện tích đất ao bằng diện tích đất mỗi người đã bị Nhà nước thu hồi, với giá tương đương giá Nhà nước đã bồi thường.

Sau khi ông Nông Thế C chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nông Thế C gồm bà Đàm Thị D, anh Nông Thế T1, anh Nông Thế T2, chị Nông Thị Thúy N và chị Nông Thị N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị M và ý kiến của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Thị M. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cho rằng sau khi cụ Trần Thị M phân chia tài sản, các con của cụ Trần Thị M đều không có ý kiến phản đối; trên cơ sở biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999, ông Nông Thế C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất được chia. Do đó, đề nghị giữ nguyên biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999.

Người đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện T trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Thế C, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 thị trấn T đều đúng trình tự theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

Anh Đàm Hải T và chị Đàm Thị H, chị Đàm Bích H trình bày việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các anh, chị với hộ ông Nông Thế C đã được thực hiện đúng thủ tục theo quy định; ngày 08/01/2010 anh Đàm Hải T và chị Đàm Thị H, chị Đàm Bích H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các anh, chị trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2006/DSST ngày 19/12/2006, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản đã tặng cho của cụ Trần Thị M đối với ông Nông Thế C, cụ thể:

- Thửa đất số 14 tờ bản đồ số 9, diện tích 2.647,9m^2 và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10, diện tích 70,3m^2 có nhà trên đất vẫn thuộc quyền sở hữu và sử dụng của cụ Trần Thị M;

- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10, diện tích 258,4m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Nông Thế C theo Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 04/6/2003 của Ủy ban nhân dân huyện T;

- Chấp nhận sự thỏa thuận của ông Nông Thế C và cụ Trần Thị M về việc nhận tiền đền bù, giải phóng mặt bằng đối với nhà và đất tại thửa số 30, tờ bản đồ số 10, cụ thể, cụ Trần Thị M nhận tiền đền bù tương ứng với giá trị đất bị thu hồi; ông Nông Thế C nhận tiền đền bù đối với công trình xây dựng trên đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nông Thế C kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DS-PT ngày 16/5/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định sửa một phần Bản án sơ thẩm số 02/2006/DSST ngày 19/12/2006 của Tòa án nhân dân huyện T; bác yêu cầu hủy một phần biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999 đối với phần ông Nông Thế C tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.647,9m^2 vì hợp đồng tặng cho ngày 27/6/1999 đã có hiệu lực từ ngày 12/12/2002;

Tạm giao thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.647,9m^2 cho ông Nông Thế C tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nông Thế C và cụ Trần Thị M liên quan đến việc nhận tiền đền bù, giải phóng mặt bằng đối với nhà, đất tại thửa số 30, tờ bản đồ số 10; và quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 501/2010/DS-GĐT ngày 17/8/2010, Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 28/2007/DS-PT ngày 16/5/2007 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2006/DSST ngày 19/12/2006 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm lại theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2012/DS-ST ngày 27/9/2012, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn quyết định:

- Bác yêu cầu khởi kiện đòi hủy một phần biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999 của cụ Trần Thị M đối với ông Nông Thế C; xác định biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999 giữa cụ Trần Thị M với ông Nông Thế C đã có hiệu lực pháp luật;

- Công nhận quyền sử dụng đất của ông Nông Thế C đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.647,9m^2, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01069 ngày 13/10/2008;

- Bác yêu cầu của bà Nông Thị P, bà Nông Hải Y, bà Võ Thị Thu H về việc thu hồi toàn bộ đất của ông Nông Thế C, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O, bà Trần Thanh H để chia đều cho 07 anh chị em;

- Bác yêu cầu của bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O, bà Trần Thanh H yêu cầu được chia thêm 100m^2 đất;

- Chấp nhận yêu cầu của anh Đàm Hải T đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng với ông Nông Thế C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01276 và H01277 ngày 08/01/2010;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm bà Võ Thị Thu H, bà Nông Bích L, bà Trần Thanh H, bà Nông Huyền O kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 24/01/2013, Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2012/DS-ST ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện T về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; giữ nguyên phần quyết định về nội dung giải quyết tranh chấp.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 24/2016/DS-GĐT ngày 19/5/2016, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 21/01/2013, Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án phúc thẩm số 33/TB-TA ngày 25/02/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2012/DS-ST ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ Điều 623 và các Điều 132, 117, 457, 502, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 122, 136, 247, 645 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 99, khoản 1, 2 Điều 101 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

- Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Trần Thị M, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nông Thị P, bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O về yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho tài sản ngày 27/6/1999 của cụ Trần Thị M đòi quyền quản lý, sử dụng thửa đất tại khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, đất có các phía tiếp giáp sau: Phía Bắc giáp đường bê tông kéo dài đến khu nghĩa địa dài 71,64m; phía Nam giáp công trình nhà ở của các bà Trần Thanh H, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O dài 33,02m; phía Đông giáp mương nước bê tông dài 87,23m; phía Tây giáp cơ quan Bảo hiểm Xã hội huyện T dài 29,11m; tổng diện tích đất là 2.666,8m^2; tổng giá trị thửa đất là 7.548.970.000 đồng (Bảy tỉ năm trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Xác nhận hợp đồng tặng cho tài sản ngày 27/6/1999 của cụ Trần Thị M có hiệu lực pháp luật từ thời điểm cụ Trần Thị M lập hợp đồng tặng cho tài sản.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc bà Nông Thị P, bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O, bà Trần Thanh H (chị Nông Minh C1; chị Nông Minh C2) phải chịu 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Xác nhận các đương sự trên đã nộp đủ.

- Về án phí: Buộc bà Nông Thị P, bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O phải liên đới chịu 147.489.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chia theo phần mỗi người phải chịu 36.872.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Võ Thị Thu H 3.700.800 đồng (Ba triệu bảy trăm ngàn tám trăm đồng) tiền án phí mà bà Võ Thị Thu H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn theo Bản án phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 24/01/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, do bà Võ Thị Thu H rút yêu cầu khởi kiện. Bà Trần Thanh H (chị Nông Minh C1; chị Nông Minh C2) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do rút yêu cầu khởi kiện.

Tại đơn kháng cáo ngày 01/10/2017, đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung cùng ngày 12/10/2017, bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O và bà Nông Thị P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn;

Tại Quyết định số 54/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O và bà Nông Thị P nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bà Nông Hải Y và bà Nông Bích L trình bày, Bản án sơ thẩm nhận định bà Nông Hải Y và bà Nông Thị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất và được Nhà nước đền bù là không đúng thực tế; khu đất ở L, diện tích 920m^2 là đất Nhà nước giao cho ông Nông Thế Đ theo Quyết định số 200-UB/QĐ ngày 30/5/1994 của Ủy ban nhân dân huyện T, không phải đất của cụ Trần Thị M và cụ Nông Ích Đ; cụ Trần Thị M lấy đất của ông Nông Thế Đ chia cho bà Nông Thị P và bà Nông Hải Y là không đúng. Hơn nữa, thực tế bà Nông Hải Y và bà Nông Thị P chưa được nhận phần đất được chia tại L. Quá trình giải quyết vụ án, cụ Trần Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Thị M chỉ yêu cầu hủy biên bản phân chia tài sản ngày 27/6/1999, không yêu cầu chia tài sản, do đó, cấp sơ thẩm buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng;

Bà Nông Thị P và bà Nông Huyền O xác định đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 24/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; bà Nông Bích L đã nộp án phí hai lần, mỗi lần 500.000 đồng theo Bản án phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 24/01/2013 nói trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nông Hải Y, bà Nông Bích L, bà Nông Huyền O và Nông Thị P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trái pháp luật, do đó, đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo quy định.

Căn cứ cho việc kháng cáo gồm Quyết định giám đốc thẩm số 24/2016/DS-GĐT ngày 19/5/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 54/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Về nội dung, biên bản chia tài sản ngày 27/6/1999, thành phần có cụ Trần Thị M, ông Nông Thế C và ông Nông Thế Đ tham gia, nhưng ông Nông Thế Đ không đồng ý với việc chia tài sản nên không ký biên bản. Như vậy, cụ Trần Thị M và ông Nông Thế C tự phân chia tài sản là trái pháp luật vì nguồn gốc tài sản là của vợ chồng cụ Trần Thị M và cụ Nông Ích Đ; cụ Nông Ích Đ chết năm 1976, không để lại di chúc, do đó, 1/2 khối tài sản là của cụ Nông Ích Đ phải được chia cho các đồng thừa kế của cụ Nông Ích Đ, gồm cụ Trần Thị M và 07 người con, nhưng cụ Trần Thị M và ông Nông Thế C tự chia tài sản cho ông Nông Thế C phần nhiều, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của 06 người con còn lại; ngày 10/3/2006, cụ Trần Thị M khởi kiện yêu cầu hủy biên bản phân chia tài sản, khi đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên cụ Trần Thị M; khu đất L là đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp riêng cho ông Nông Thế Đ, không phải là tài sản của cụ Trần Thị M nên cụ Trần Thị M chia một phần đất L cho bà Nông Hải Y và bà Nông Thị P là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy Bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa

án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Phiên tòa trong các ngày 06 và ngày 12 tháng 3 năm 2018 là phiên tòa triệu tập lần thứ hai. Các đương sự, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Anh Nông Thế T1 và ông Bế Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm, tại Bản án sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định trả lại tiền án phí cho bà Võ Thị Thu H, số tiền 3.700.800 đồng mà bà Võ Thị Thu H đã nộp theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 24/01/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Thị P và bà Nông Huyền O đều xác định đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; bà Nông Bích L xác định đã nộp một phần án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án phúc thẩm nói trên.

[3] Xét thấy, hồ sơ vụ án đã có tài liệu thể hiện bà Võ Thị Thu H nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 10/2012/DS-PT ngày 24/01/2013, do đó, cấp sơ thẩm quyết định xử lý là đúng quy định tại khoản 4 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các bà Nông Thị P, bà Nông Huyền O và bà Nông Bích L, tại cấp sơ thẩm các đương sự chưa nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã nộp án phí và số tiền án phí đã nộp, do đó, cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bà Nông Thị P, bà Nông Huyền O và bà Nông Bích L cũng không cung cấp được biên lai hoặc tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã nộp án phí sơ thẩm. Do đó, để bảo đảm nguyên tắc hai cấp xét xử, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ để Tòa án nhân dân huyện T xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Các vấn đề về xác định quan hệ tranh chấp, phạm vi yêu cầu khởi kiện, về thu thập, đánh giá chứng cứ cấp sơ thẩm cần thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DT-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn và chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nông Bích L, bà Nông Thị P, bà Nông Hải Y và bà Nông Huyền O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Nông Bích L, bà Nông Thị P, bà Nông Hải Y và bà Nông Huyền O mỗi người 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03634, 03635, 03636, 03637 cùng ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Lệ Hường